

MARKET LENS

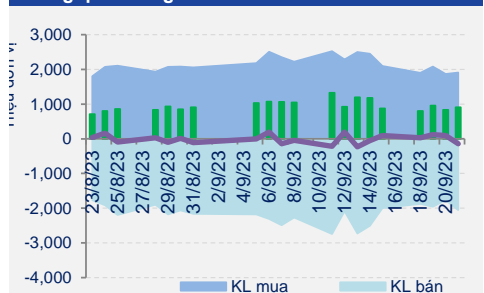
Phiên giao dịch ngày: 21/9/2023

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

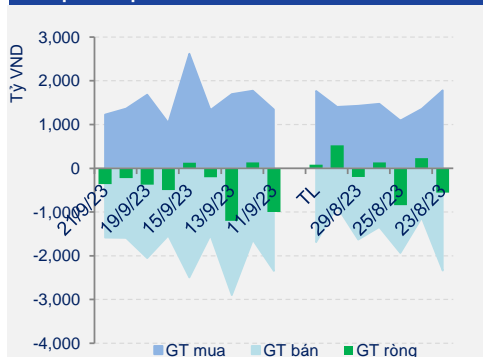
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,212.74	251.87
% Thay đổi	↓ -1.09%	↓ -1.16%
KLGD (CP)	903,318,763	112,148,522
GTGD (tỷ đồng)	22,929.68	2,387.79
Tổng cung (CP)	2,051,701,593	165,621,800
Tổng cầu (CP)	1,905,092,981	130,321,500

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	47,854,571	1,346,452
KL mua (CP)	34,734,619	557,477
GT mua (tỷ đồng)	1,224.91	21.53
GT bán (tỷ đồng)	1,586.99	32.45
GT ròng (tỷ đồng)	(362.09)	(10.91)

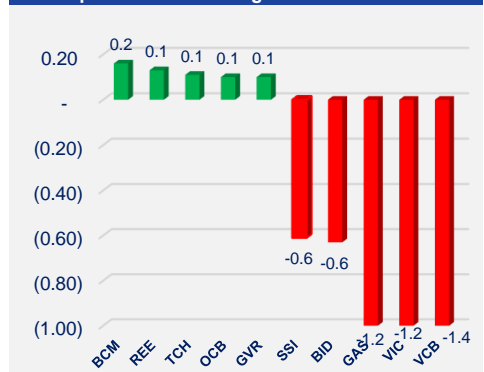
Thị trường đón nhận thông tin kết thúc cuộc họp chính sách ngày 20/09/2023, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất duy trì ở phạm vi 5,0% đến 5,25%, mức cao nhất trong khoảng 22 năm. Ngoài ra, FED cũng cho biết có thể sẽ thực hiện thêm một đợt tăng nữa trước cuối năm nay và có ít đợt hạ lãi suất hơn so với dự kiến vào năm tới. Trước thông tin trên VN-INDEX đầu phiên tăng giá lên vùng 1.230 điểm thanh khoản ở mức thấp, sau đó chịu áp lực điều chỉnh dần và bắt đầu chịu áp lực bán mạnh trong phiên chiều với thanh khoản gia tăng đột biến hơn. Kết phiên VN-INDEX giảm 13,37 điểm (-1,09%) về mức 1.212,74 điểm. HNX-INDEX giảm 2,95 điểm (-1,16%) về mức 251,87 điểm. Độ rộng trên hai sàn niêm yết lại nghiêng về tiêu cực với áp lực bán gia tăng khi có tổng cộng 471 mã giảm giá (10 mã giảm sàn), 221 mã tăng giá (24 mã tăng trần), và 113 mã giá tham chiếu.

Tương quan cung cầu HOSE


Thanh khoản trên hai sàn đạt 25.308,47 tỷ đồng, tăng 13,62% so với phiên trước, duy trì trên mức trung bình, thể hiện áp lực bán với thanh khoản gia tăng mạnh, khá đột biến ở nhiều mã như nhóm mã dịch vụ tài chính, chứng khoán. Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng liên tiếp với giá trị 362,09 tỷ đồng, tập trung bán ròng ở nhóm thép, dịch vụ tài chính, chứng khoán; bán ròng phiên thứ ba trên HNX với giá trị 10,91 tỷ đồng.

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Các cổ phiếu nhóm dịch vụ tài chính, chứng khoán có độ nhạy với thị trường chung, đồng thời với thông tin ngân hàng nhà nước thông báo phát hành chào bán tín phiếu kỳ hạn 28 ngày từ ngày 21/09/2023 đã có diễn biến kém tích cực với áp lực bán mạnh, đột biến cuối phiên như BSI (-7,00%), VCI (-5,62%), CTS (-5,18%), FTS (-5,05%), SHS (-4,95%)...

Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX


Trong khi đó các cổ phiếu nhóm xuất nhập khẩu đa số vẫn có diễn biến khá tích cực, thu hút dòng tiền với thanh khoản gia tăng như thủy sản với IDI (+3,36%), CMX (+2,18%), ACL (+2,02%)... gạo LTG (+4,83%), TAR (+1,07%)... cảng, vận tải biển như VOS (+3,36%), SGP (+1,50%), GMD (+1,40%)...

Nhóm cổ phiếu bất động sản khu công nghiệp, cao su phân hóa, các mã tăng giá thanh khoản vẫn cải thiện tốt như IDC (+1,82%), SZC (+0,87%), BCM (+0,86%)... ngoài các mã giảm nhẹ thanh khoản ở mức trung bình CLX (-2,56%), KBC (-1,24%), VGC (-0,94%), PHR (-0,94%)....

Nhóm cổ phiếu bất động sản sau phiên phục hồi trước đa số chịu áp lực điều chỉnh trở lại, thanh khoản dưới trung bình như QCG (-4,29%), LGL (-3,64%), DXG (-3,46%), DIG (-2,83%)... ngoài các mã tăng giá tích cực như TCH (+4,32%), HHS (+3,62%), NTL (+1,19%)...

Các cổ phiếu nhóm ngân hàng, hầu hết có diễn biến kém tích cực, chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản ở mức trung bình với NAB (-3,90%), STB (-2,71%), LPB (-2,60%), IEB (-2,13%)... ngoài OCB (+1,38%), SSB (0,00%)...

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2309 đã đáo hạn ở mức 1220,6 điểm, giảm 11 điểm (-0,89%). Thị trường bắt đầu chuyển sang giao dịch trên kỳ hạn chính VN30F2310 với mức chênh lệch gia tăng âm -4,09 điểm so với VN30. Các kỳ hạn lớn hơn VN30F2312, VN30F2403 chênh lệch từ -7,59 điểm đến -9,49 điểm. Cho thấy các giảm các vị thế đầu cơ phái sinh, kém lạc quan khi nghiêng về VN30 tiếp tục điều chỉnh, phòng ngừa rủi ro giảm điểm ở các kỳ hạn lớn hơn trên thị trường phái sinh

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG


Thị trường bất ngờ quay đầu giảm mạnh trong phiên đảo hạm phái sinh mặc dù đã có phiên hồi phục tốt trước đó, chốt phiên VnIndex giảm -13,37 điểm (-1,09%) và đóng cửa ở 1.212,74 điểm. Xét dưới góc nhìn ngắn hạn thị trường đã 2 lần tiệm cận cản ngắn hạn 1.250 điểm và đang trong quá trình hình thành vùng tích lũy vì thế như đã nhận định các diễn biến rung lắc, điều chỉnh hoàn toàn có thể xảy ra và là vận động tích cực. Thị trường sẽ cần nhiều thời gian để hình thành khu vực tích lũy chặt chẽ, ngưỡng hỗ trợ tâm lý của VN-Index là vùng 1.200 điểm và xa hơn là vùng 1.170 điểm.

Xu hướng uptrend trung hạn của thị trường vẫn duy trì tuy nhiên thị trường cần tích lũy thêm sau các rung lắc để có thể vượt cản ngắn hạn quanh 1.250 điểm trước khi có thể tiến tới ngưỡng cản xa hơn là vùng 1.300 điểm.

Thị trường trong ngắn hạn vẫn có thể xuất hiện các diễn biến tăng giảm mạnh do vậy nhà đầu tư ngắn hạn chỉ nên duy trì tỷ trọng thấp và quan sát diễn biến chỉ số tại các vùng hỗ trợ trước khi nghĩ tới việc giải ngân. Nhà đầu tư trung, dài hạn tiếp tục nắm giữ danh mục đã được cơ cấu tốt theo như khuyến nghị của chúng tôi. Trường hợp muốn giải ngân nhà đầu tư dài hạn có thể thực hiện dần trong nhịp điều chỉnh và nên hướng tới các nhóm cổ phiếu đầu ngành, các cổ phiếu đang tích lũy và không bị điều chỉnh sâu, có kỳ vọng kết quả kinh doanh tiếp tục tăng trưởng trong năm nay.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

21/9/2023

DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DỐI

MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
IDC	50.40	43-45	55-57	41	12.7	-27.2%	-62.6%	Theo dõi chờ giải ngân
PVP	15.15	11.5-13	15.5-16	12	4.9	8.3%	235.8%	Theo dõi chờ giải ngân
PHR	52.70	46-48	57-59	43	8.1	-54.5%	136.4%	Theo dõi chờ giải ngân
BSR	21.78	19.5-21	25.5-26	18	13.7	-35.7%	-86.8%	Theo dõi chờ giải ngân

DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	MÃ	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
19/5/23	DPR	68.9	51.8	73-74	66	33.0%	Nắm giữ
7/6/23	KBC	35.7	28.05	36.5-37.7	34	27.3%	Nắm giữ
2/8/23	VNM	78.0	72.95	87-89	78	6.9%	Nắm giữ
2/8/23	CTG	31.7	30.6	35-37	32	3.6%	Nắm giữ



TIN VĨ MÔ

Thành ủy Hà Nội chỉ đạo xử lý nghiêm các vi phạm về phòng cháy, chữa cháy □

Ngày 20/9, Bí thư Thành ủy Hà Nội Đinh Tiến Dũng đã ký ban hành Chỉ thị số 25 - CT/TU của Ban Thường vụ Thành ủy về việc tiếp tục tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng đối với công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn Hà Nội trong tình hình mới. Chỉ thị này thay thế Chỉ thị số 24-CT/TU, ngày 31/10/2018 của Ban Thường vụ Thành ủy và được phổ biến đến từng Chi bộ. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, cơ quan, doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm khi để xảy ra cháy, nổ gây thiệt hại nghiêm trọng về người và tài sản trong phạm vi lãnh đạo, quản lý của mình...

Fed quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức cao nhất 22 năm, phát tín hiệu sẽ thực hiện thêm một đợt tăng trong năm nay

Kết thúc cuộc họp chính sách ngày 20/9, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) quyết định giữ nguyên lãi suất. Ngoài ra, NHTW cũng cho biết có thể sẽ thực hiện thêm một đợt tăng nữa trước cuối năm nay và có ít đợt hạ lãi suất hơn so với dự kiến vào năm tới. Với động thái tăng lãi suất được dự kiến thực hiện vào cuối năm, thì Fed sẽ thực hiện hàng chục đợt tăng kể từ khi bắt đầu thắt chặt chính sách vào tháng 3/2022. Ở cuộc họp lần này, thị trường cũng dự đoán Fed sẽ không tăng lãi suất, duy trì ở phạm vi 5,25% đến 5%, mức cao nhất trong khoảng 22 năm.

Giá xăng lại tăng gần 1.000 đồng/lít từ chiều nay

Bộ Công Thương vừa thông báo thay đổi giá bán lẻ xăng dầu trong kỳ điều chỉnh mới. Giá mới được áp dụng từ 15h hôm nay. Cụ thể, giá xăng E5 RON 92 tăng 720 đồng/lít, lên 24.190 đồng/lít; xăng RON 95 tăng 870 đồng/lít, lên 25.740 đồng/lít. Như vậy, mặt hàng xăng đã có lần tăng trở lại sau phiên giữ nguyên giá vào ngày 11/9. Trong 8 phiên điều chỉnh gần nhất, giá xăng đã tăng tới 7 lần.

Ngày 21/09, NHNN phát hành gần 10,000 tỷ đồng tín phiếu kỳ hạn 28 ngày

Căn cứ thông báo của Ban điều hành nghiệp vụ Thị trường mở, Sở Giao dịch NHNN thông báo về việc bán tín phiếu Ngân hàng Nhà nước (NHNN) thông qua phương thức đấu thầu lãi suất vào ngày 21/09/2023. Cụ thể, NHNN phát hành tín phiếu kỳ hạn 28 ngày kể từ ngày 21/09/2023. Thời gian ghi nhận đơn dự thầu vào lúc 13h45 ngày 21/09/2023 và đóng thầu vào lúc 15h00 cùng ngày. Phương thức thanh toán lãi của giấy tờ có giá (GTCG) là một lần đầu kỳ. Ngày đến hạn thanh toán của GTCG vào 19/10/2023.



TIN DOANH NGHIỆP

NLG huy động 500 tỷ đồng trái phiếu, tài sản bảo đảm bằng khu đất hơn 49 ha ở Long An

HĐQT CTCP Đầu tư Nam Long (HOSE: NLG) phê duyệt phương án phát hành trái phiếu riêng lẻ để huy động vốn đầu tư dự án ở Cần Thơ, tài sản bảo đảm cho trái phiếu là khu đất ở Long An. Theo kế hoạch, NLG sẽ phát hành trái phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là tổ chức thông qua đại lý phát hành. Tổng khối lượng phát hành tối đa 5,000 tp, mệnh giá 100 triệu đồng/tp, tổng mệnh giá tối đa 500 tỷ đồng. Lãi suất 9.6%/năm trong 6 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành, sau đó lãi suất được tính bằng tổng của lãi suất tham chiếu (lãi suất tiết kiệm cao nhất bằng Đồng Việt Nam trả lãi cuối kỳ, kỳ hạn 12 tháng được niêm yết công khai bởi Ngân hàng TMCP Phương Đông (HOSE: OCB) tại ngày xác định lãi suất) cộng biên độ 2.5%/năm.

Biwase ước lãi sau thuế tháng 8 tăng 25%

Tháng 8/2023, CTCP - Tổng Công ty nước - Môi trường Bình Dương (Biwase, HOSE: BWE) ghi nhận tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận 2 con số so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, Biwase ước tổng doanh thu tháng 8 đạt 329 tỷ đồng và lãi sau thuế 66 tỷ đồng, tăng lần lượt 12% và 25% so với cùng kỳ. Đây cũng là tháng có lợi nhuận sau thuế cao thứ hai trong năm của Công ty, chỉ thấp hơn mức lãi 67 tỷ đồng của tháng 5. Lũy kế 8 tháng năm 2023, tổng doanh thu BWE ước đạt 2,321 tỷ đồng, giảm 8% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lãi sau thuế tăng nhẹ 1 tỷ đồng lên mức 453 tỷ đồng. Công ty cho biết kết quả này chưa ghi nhận doanh thu 110 tỷ đồng từ lĩnh vực xử lý chất thải.

Sacombank (STB): Lợi nhuận trước thuế hợp nhất đạt 6.157 tỷ đồng trong 8 tháng đầu năm

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (Sacombank, mã STB - sàn HOSE) cho biết, lợi nhuận trước thuế hợp nhất 8 tháng đạt 6.157 tỷ đồng, tăng 56% so với cùng kỳ năm trước, hoàn thành 65% kế hoạch cả năm. Trong 8 tháng đầu năm 2023, tổng tài sản của Sacombank tiếp tục được mở rộng và giữ vững vị thế về quy mô, đạt hơn 635 ngàn tỷ đồng, tăng hơn 7% so với đầu năm.

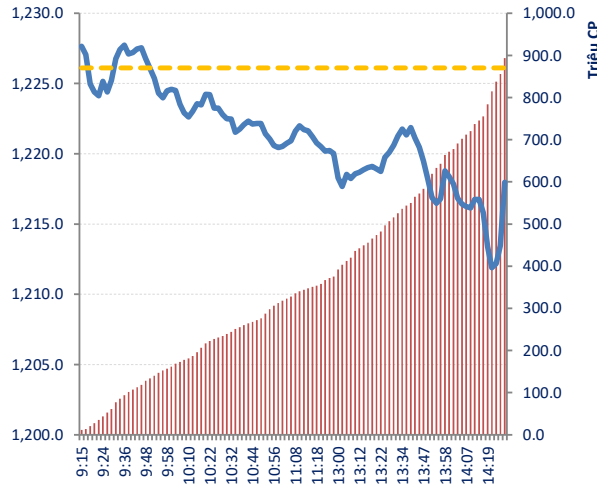
Hơn 113 triệu cổ phiếu phát hành thêm của Chứng khoán Smart Invest (mã AAS) sẽ giao dịch từ ngày 26/9

ông ty cổ phần Chứng khoán Smart Invest (mã AAS) vừa thông báo ngày đăng ký giao dịch bổ sung của gần 120 triệu cổ phiếu, bao gồm phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2011 tỷ lệ 50% và phát hành chào bán cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1. Trong đó, số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng là 113.039.757 cổ phiếu sẽ giao dịch chính thức vào ngày 26/9/2023. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng (là lượng cổ phiếu được phân phối sau khi cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua) giao dịch chính thức vào ngày 16/08/2024.

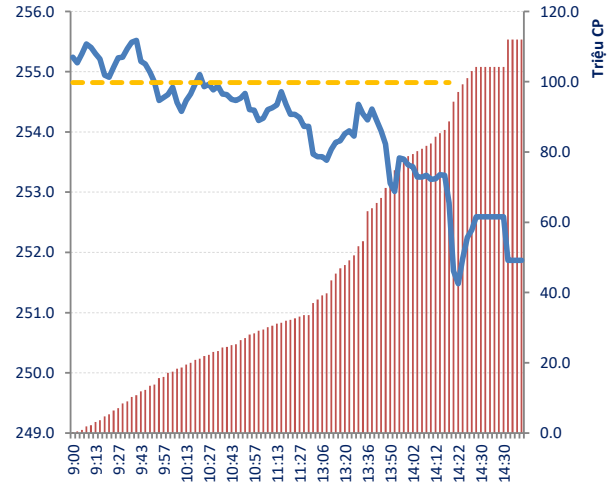


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

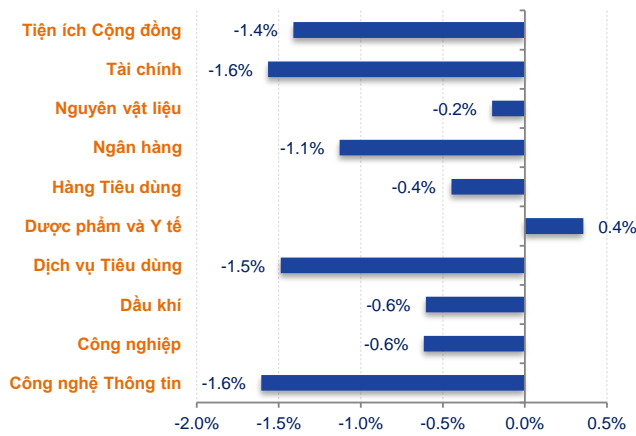
KLGD và VN-Index trong phiên



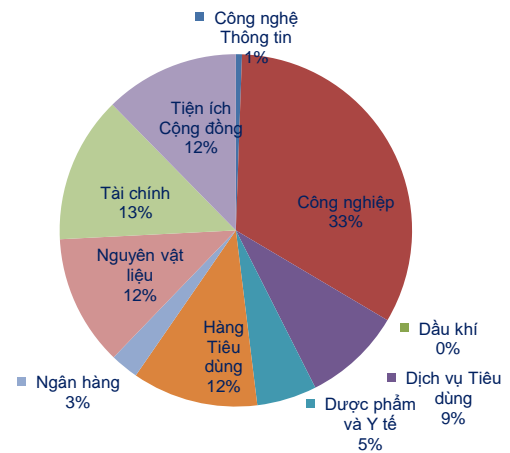
KLGD và HNX-Index trong phiên



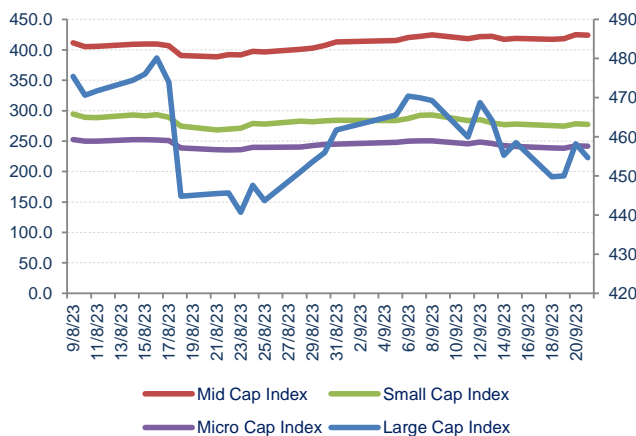
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



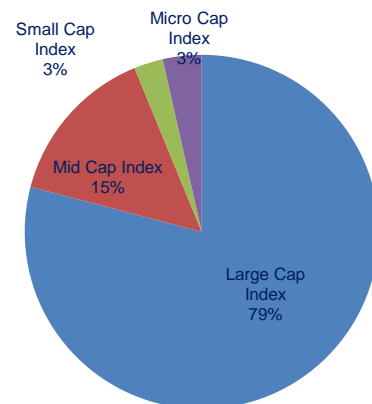
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng	TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	2,016,425	HPG	7,205,479	1	IDC	148,931	SHS	492,191
2	OCB	1,519,650	KDH	2,209,129	2	LAS	51,700	DTD	188,900
3	VRE	1,140,518	GEX	1,936,274	3	PVS	41,661	TNG	107,445
4	SGN	1,120,247	PVT	1,313,629	4	APS	14,800	NVB	100,000
5	PDR	861,282	LPB	1,294,925	5	SD6	11,000	PSD	44,100

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SSI	36.45	34.75	↓ -4.66%	49,446,802	SHS	20.20	19.20	↓ -4.95%	31,980,179
HPG	28.40	28.40	→ 0.00%	42,961,200	PVS	39.20	38.40	↓ -2.04%	7,707,330
VND	25.25	24.20	↓ -4.16%	36,158,000	NVB	14.30	14.20	↓ -0.70%	7,425,055
VIX	19.75	19.05	↓ -3.54%	31,485,307	CEO	26.50	25.90	↓ -2.26%	6,874,657
STB	33.25	32.35	↓ -2.71%	31,049,809	IDC	49.50	50.40	↑ 1.82%	5,801,549

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
POM	6.30	6.74	0.44	↑ 6.98%	GLT	21.00	23.10	2.10	↑ 10.00%
TLH	8.84	9.45	0.61	↑ 6.90%	CX8	6.00	6.60	0.60	↑ 10.00%
KPF	5.98	6.39	0.41	↑ 6.86%	LDP	13.30	14.60	1.30	↑ 9.77%
DC4	13.15	14.05	0.90	↑ 6.84%	BST	14.40	15.80	1.40	↑ 9.72%
EVF	11.70	12.50	0.80	↑ 6.84%	PMP	12.60	13.80	1.20	↑ 9.52%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%	Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BSI	45.00	41.85	-3.15	↓ -7.00%	VDL	14.00	12.60	-1.40	↓ -10.00%
VAF	13.10	12.20	-0.90	↓ -6.87%	SDT	5.00	4.50	-0.50	↓ -10.00%
CVT	38.45	36.00	-2.45	↓ -6.37%	TKG	12.10	10.90	-1.20	↓ -9.92%
VCI	49.80	47.00	-2.80	↓ -5.62%	STC	20.30	18.30	-2.00	↓ -9.85%
CLW	34.95	33.00	-1.95	↓ -5.58%	VNT	57.90	52.20	-5.70	↓ -9.84%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	49,446,802	7.3%	1,093	33.3	2.5
HPG	42,961,200	-2.0%	(328)	-	1.7
VND	36,158,000	3.9%	467	54.1	2.0
VIX	31,485,307	7.0%	839	23.5	1.6
STB	31,049,809	17.2%	3,601	9.2	1.5

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	31,980,179	4.3%	507	39.8	1.7
PVS	7,707,330	7.2%	1,953	20.1	1.4
NVB	7,425,055	-0.1%	(12)	-	1.4
CEO	6,874,657	7.7%	946	28.0	2.1
IDC	5,801,549	20.7%	3,969	12.5	2.6

Top Độ biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
POM	↑ 7.0%	-68.2%	(6,145)	-	0.8
TLH	↑ 6.9%	-5.0%	(848)	-	0.5
KPF	↑ 6.9%	9.2%	1,175	5.1	0.4
DC4	↑ 6.8%	-0.4%	(48)	-	1.2
EVF	↑ 6.8%	8.3%	1,031	12.0	1.0

Top Độ biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
GLT	↑ 10.0%	12.3%	2,194	9.6	1.3
CX8	↑ 10.0%	2.6%	335	17.9	0.5
LDP	↑ 9.8%	-26.2%	(2,299)	-	1.6
BST	↑ 9.7%	15.7%	2,072	7.0	1.1
PMP	↑ 9.5%	11.3%	1,836	6.9	0.8

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	2,016,425	3.6%	672	41.2	1.5
OCB	1,519,650	16.3%	3,041	4.8	0.7
VRE	1,140,518	10.6%	1,588	17.7	1.8
SGN	1,120,247	21.6%	5,674	12.6	2.6
PDR	861,282	8.2%	1,118	24.2	2.1

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
IDC	148,931	20.7%	3,969	12.5	2.6
LAS	51,700	7.1%	849	16.8	1.2
PVS	41,661	7.2%	1,953	20.1	1.4
APS	14,800	-9.5%	(1,172)	-	0.7
SD6	11,000	-7.4%	(913)	-	0.3

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	491,840	23.0%	5,797	15.2	3.2
BID	231,175	19.0%	4,025	11.4	2.0
VHM	220,766	29.1%	10,341	4.9	1.3
GAS	208,621	20.3%	6,680	16.3	3.1
VIC	204,046	3.9%	1,395	38.4	1.5

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
HUT	23,027	1.3%	133	193.8	5.9
PVS	18,736	7.2%	1,953	20.1	1.4
SHS	16,426	4.3%	507	39.8	1.7
IDC	16,335	20.7%	3,969	12.5	2.6
THD	13,937	2.9%	458	79.0	2.3

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
QCG	4.83	-0.4%	(63)	-	0.9
EVG	3.84	1.3%	157	43.0	0.6
AGM	3.60	-50.2%	(10,382)	-	0.5
VPH	3.26	0.4%	39	261.2	1.0
LDG	3.24	-5.5%	(693)	-	0.4

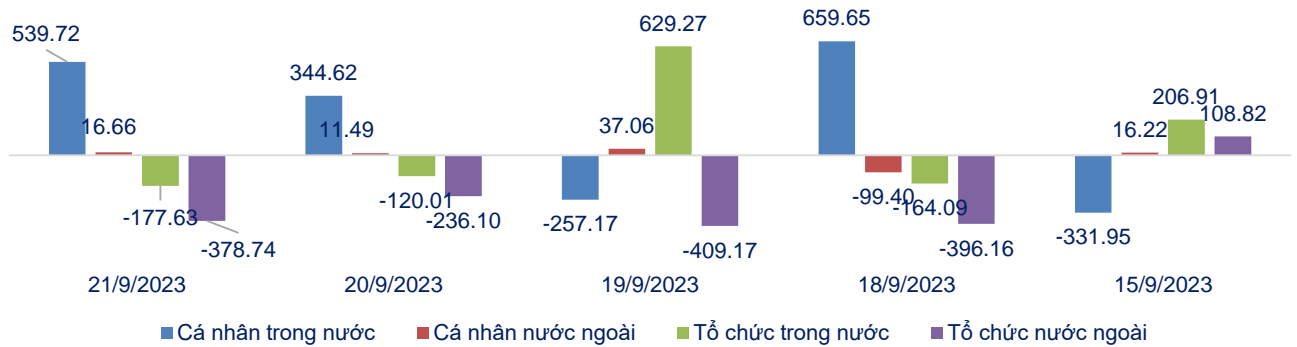
Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC2	3.61	3.9%	562	23.3	0.9
DDG	3.56	-24.7%	(3,031)	-	0.9
VC7	3.55	2.4%	261	103.8	2.5
SDA	3.06	-0.3%	(21)	-	1.0
IDJ	2.88	5.8%	656	11.4	0.7



THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	189.02	-2.0%	(328)	-	1.7
VND	57.54	3.9%	467	54.1	2.0
VIC	56.68	3.9%	1,395	38.4	1.5
SSI	50.60	7.3%	1,093	33.3	2.5
GEX	49.38	1.6%	385	63.7	1.0

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
STB	-41.74	17.2%	3,601	9.2	1.5
FPT	-36.71	22.1%	4,596	21.4	4.4
VRE	-32.44	10.6%	1,588	17.7	1.8
DGC	-29.47	36.6%	10,780	8.9	3.1
HSG	-26.04	-12.5%	(2,114)	-	1.4

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SSI	11.70	7.3%	1,093	33.3	2.5
FPT	9.85	22.1%	4,596	21.4	4.4
VND	4.44	3.9%	467	54.1	2.0
HPG	2.99	-2.0%	(328)	-	1.7
BID	1.60	19.0%	4,025	11.4	2.0

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	-5.45	20.3%	2,765	6.5	1.3
VPB	-4.22	11.1%	1,728	12.7	1.4
CTG	-2.89	15.8%	3,664	8.7	1.3
TPB	-2.87	18.6%	2,686	7.3	1.4
BMP	-0.89	36.6%	12,203	7.4	2.7

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
KDH	68.73	7.5%	1,281	27.7	1.9
STB	52.30	17.2%	3,601	9.2	1.5
DGC	33.16	36.6%	10,780	8.9	3.1
DCM	19.49	21.5%	4,286	8.1	1.7
HPG	17.08	-2.0%	(328)	-	1.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SGN	-74.86	21.6%	5,674	12.6	2.6
VCG	-57.79	3.6%	672	41.2	1.5
VND	-55.60	3.9%	467	54.1	2.0
PDR	-29.61	8.2%	1,118	24.2	2.1
MWG	-22.95	6.6%	1,069	52.2	3.5

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
SGN	80.09	21.6%	5,674	12.6	2.6
VCG	55.76	3.6%	672	41.2	1.5
VRE	31.80	10.6%	1,588	17.7	1.8
FPT	27.35	22.1%	4,596	21.4	4.4
PDR	22.81	8.2%	1,118	24.2	2.1

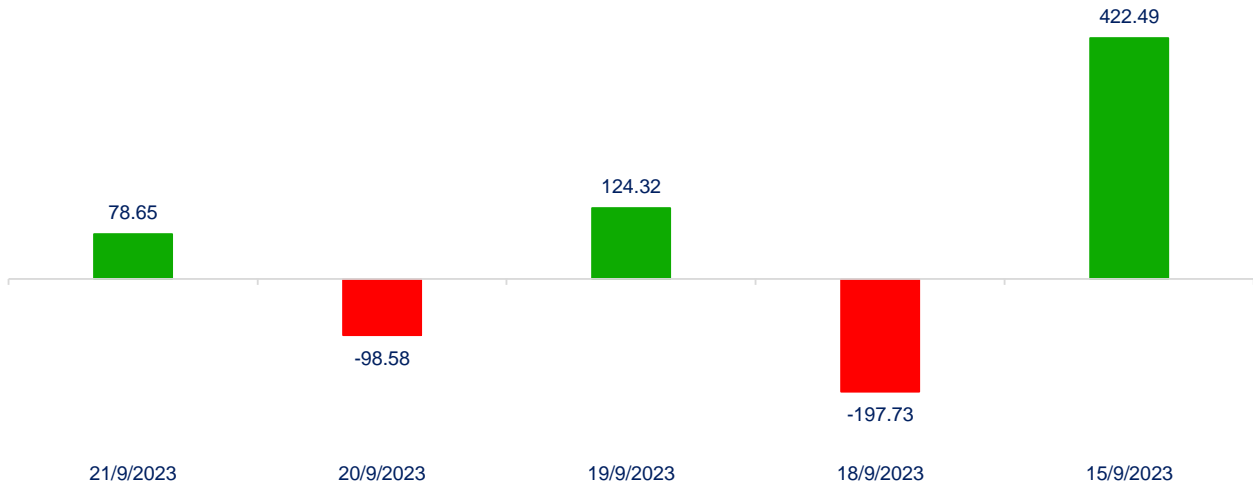
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HPG	-209.09	-2.0%	(328)	-	1.7
KDH	-76.76	7.5%	1,281	27.7	1.9
VIC	-48.79	3.9%	1,395	38.4	1.5
GEX	-46.96	1.6%	385	63.7	1.0
SSI	-45.20	7.3%	1,093	33.3	2.5

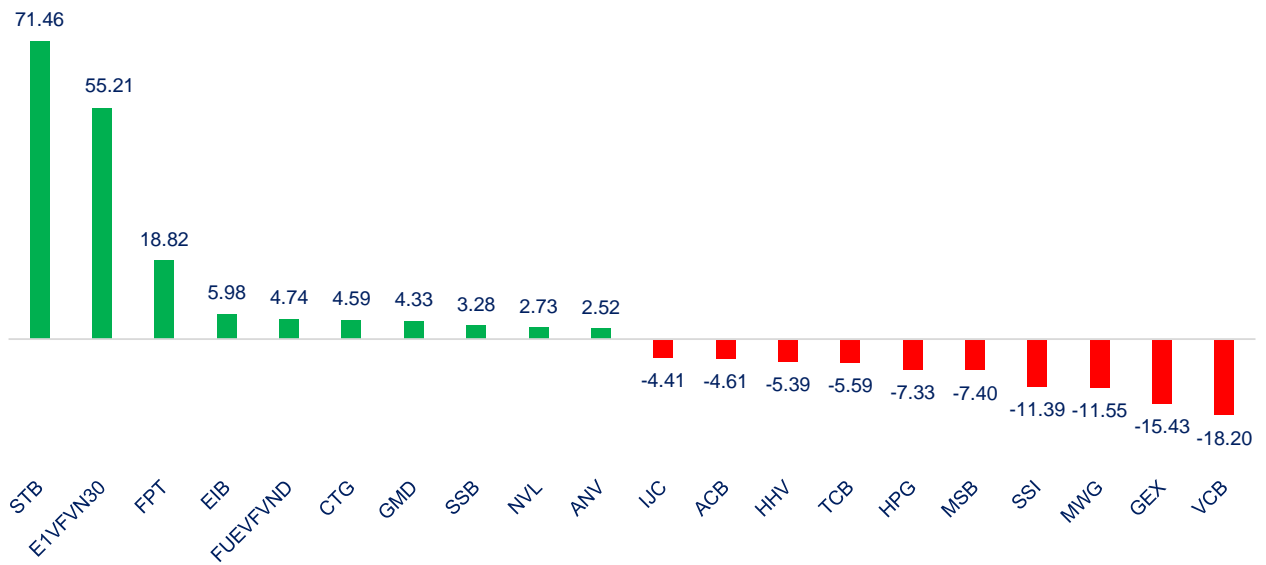


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường
cuong.hnv2@shs.com.vn

Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên
kien.bm@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyên người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP
HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn